

- da dày-tá trắng khảm và điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ.2021.(40),14-20.
7. **Thái Thị Hồng Nhung.** Nghiên cứu các tổn thương đường tiêu hóa trên và tỉ lệ nhiễm *Helicobacter pylori* ở bệnh nhân đến nội soi tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2019. Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y Dược Huế. 2019. 10, 72-77.
 8. **Phạm Ngọc Doanh.** Nghiên cứu tỷ lệ kháng Larithromycin của *Helicobacter pylori* bằng phương pháp PCR-RFLP và kết quả điều trị của phác đồ nối tiếp cải tiến RA-RLT ở bệnh nhân viêm dạ dày mạn. Trường đại học y dược Huế. 2019.79.
 9. **Bordin Dmitry S.** Drug-Associated Gastropathy: Diagnostic Criteria. Diagnostics. 2023. 13(13), 2220.
 10. **Saeed Hamid.** Frequency of NSAID induced peptic ulcer disease. Journal of Pakistan Medical Association. 2006. 56(5), 218.

KHẢO SÁT KIẾN THỨC PHÒNG, CHỐNG BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG QUÂN ĐỘI 108

Quản Thanh Nga¹, Hoàng Đình Nhu¹, Đặng Quang Minh Triết¹, Nguyễn Thị Hiền², Phạm Thị Thuý³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức phòng, chống bệnh sốt xuất huyết dengue của nhân viên y tế Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 và một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang 400 nhân viên Y tế tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. **Kết quả:** Trong nghiên cứu này, tỷ lệ nữ chiếm đa số 60,5%. Tuổi trung bình đối tượng nghiên cứu là 33,1±9,1 (tuổi) trong đó dưới 50 tuổi chiếm chủ yếu 94,3%, các ĐTNC có thời gian công tác dưới 5 năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 40,8%. Kinh nghiệm làm SXH dưới 5 năm chiếm đa số 69,8%. Có 56,5% NVYT được tập huấn về SXH. Có 93,2% đối tượng có kiến thức đúng. **Kết luận:** Trong nghiên cứu của chúng tôi có 93,2% đối tượng có kiến thức đúng về phòng, chống SXHD. Có mối liên quan giữa độ tuổi; trình độ học vấn; đơn vị công tác; thời gian công tác và được tập huấn về SXH với kiến thức phòng chống SXH ($p<0,05$).

Từ khóa: Kiến thức, sốt xuất huyết, Bệnh viện Trung ương 108.

SUMMARY

THE CURRENT STATUS OF KNOWLEDGE ABOUT DENGUE HEMORRHAGIC FEVER PREVENTION AND CONTROL OF MEDICAL STAFF AT CENTRAL MILITARY HOSPITAL 108

Objective: Describe the current status of knowledge about Dengue hemorrhagic fever prevention and control of medical staff at Central Military Hospital 108 and some related factors. **Subjects and methods:** Cross-sectional descriptive study was conducted on 400 medical staff at Central Military Hospital 108. **Results:** In this study, women

accounted for the majority of 60.5%. The average age of research subjects was 33.1 ± 9.1 (years old), of which the majority were under 50 years old (94.3%), the research subjects have mainly worked for less than 5 years. (40.8%). Experience in treating Dengue fever of less than 5 years accounted for the majority (69.8%). 56.5% of health workers have been trained on Dengue fever. 93.2% of research subjects had correct knowledge. **Conclusion:** In our study, 93.2% of subjects had correct knowledge about Dengue hemorrhagic fever prevention and control. There is a relationship between age; academic level; work unit; working time and training on dengue fever with knowledge of Dengue fever prevention ($p<0.05$).

Keywords: Knowledge, Dengue fever, Central Hospital 108.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sốt xuất huyết dengue (SXHD) là bệnh do virus Dengue gây nên xảy ra ở 129 quốc gia trên thế giới [1]. Theo báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới số ca SXHD được báo cáo tăng hơn 8 lần trong hai thập kỷ qua. SXHD phổ biến ở các nước nhiệt đới và cận nhiệt đới trên toàn thế giới, trong đó Việt Nam là một trong những nước có số người mắc bệnh cao nhất [2]. Tại Việt Nam, SXHD có mặt ở khắp các vùng miền trên cả nước. Bệnh xảy ra quanh năm, đặc biệt có thể gây ra những vụ dịch lớn vào mùa mưa [3]. Trong những năm gần đây Việt Nam ghi nhận 2 vụ dịch lớn năm 2009 và 2017 với số ca mắc lần lượt 16,090 và hơn 58,000 ca (chỉ tính nửa đầu năm 2017) [4]. Từ đầu năm 2019 đến 7/7/2019, Việt Nam ghi nhận hơn 96,000 trường hợp bệnh sốt xuất huyết trong đó có 7 trường hợp tử vong, tỉ lệ tử vong là 0,007%. So với cùng kỳ năm 2018, số trường hợp bệnh tăng hơn 3 lần, vượt quá ngưỡng cảnh báo của số trường hợp bệnh trung bình 5 năm trước [2]. Việt Nam đứng đầu trong các nước khu vực Đông Nam Á về tỉ lệ mắc bệnh SXHD. Bệnh SXHD chiếm tỉ lệ cao nhất

¹Bệnh viện TWQĐ 108

²Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên

³Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Hiền

Email: hiennguyentn92@gmail.com

Ngày nhận bài: 23.4.2024

Ngày phản biện khoa học: 12.6.2024

Ngày duyệt bài: 5.7.2024

trong các bệnh lây truyền do véc tơ, đồng thời cũng là bệnh gây tử vong hàng đầu trong tổng số 24 bệnh truyền nhiễm phải báo cáo theo qui định của Bộ Y tế Việt Nam. Để Chương trình phòng chống SXHD có hiệu quả thì sự tham gia của của các nhân viên Y tế là vô cùng quan trọng. Trên thực tế có một khoảng chênh giữa kiến thức, thái độ với thực hành tham vấn phòng ngừa. Nhiều nhân viên nhận thức chưa đúng đắn, tâm lí qua lo lắng về bệnh, quá chủ quan, xử lí còn thiếu kinh nghiệm. Tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2022 có 3,557 ca mắc SXH trong đó điều trị ngoại trú là 2,642 ca và nội trú là 915 ca có 2 trường hợp tử vong. Kiến thức, thái độ và thực hành của nhân viên y tế nói chung là những yếu tố quan trọng nhất trong việc ngăn ngừa sự lây nhiễm của vi rút sốt xuất huyết. Điều trị sốt xuất huyết hiệu quả phần lớn phụ thuộc vào sự chăm sóc y tế sớm và phù hợp bởi các bác sĩ lâm sàng có kinh nghiệm để tránh các biến chứng và giảm tỷ lệ tử vong. Chẩn đoán và điều trị sớm có thể làm giảm tỷ lệ tử vong của bệnh nhân Sốt xuất huyết Dengue từ 20% xuống còn 1% hoặc ít hơn. Vậy kiến thức về phòng, chống SXHD của nhân viên tại đây như thế nào? Có các yếu tố nào ảnh hưởng đến kiến thức phòng chống SXHD. Xuất phát từ những yêu cầu trên chúng tôi tiến hành: "Khảo sát kiến thức phòng, chống bệnh sốt xuất huyết dengue của nhân viên y tế Bệnh viện Trung ương Quân đội 108" với mục tiêu mô tả thực trạng kiến thức phòng, chống bệnh sốt xuất huyết dengue của nhân viên y tế Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 và một số yếu tố liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Nhân viên Y tế đang làm việc tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108; Tuổi từ 18 tuổi trở lên; Đồng ý tham gia nghiên cứu.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Từ tháng 03/2023 – 03/2024 tại - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả ước lượng một tỷ lệ trong quần thể (Tỷ lệ nhân viên y tế có kiến thức về phòng chống SXHD), áp dụng vào công thức tính mẫu tính được cỡ mẫu tối thiểu 384 để dự trừ số mẫu không tham gia nghiên cứu thêm 10% và làm tròn số là 400. Trên thực tế chúng tôi thu thập được 400 đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) đủ tiêu chuẩn.

Công cụ thu thập số liệu: Mỗi ĐTNC được

phỏng vấn bằng một phiếu hỏi. Phiếu phỏng vấn là một bộ câu hỏi được thiết kế phiếu hỏi được thiết kế qua google form: Phần 1 là các thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (tuổi, giới, trình độ học vấn, nghề nghiệp, khoa công tác, số năm công tác chuyên môn, kinh nghiệm điều trị chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết, được tập huấn về sốt xuất huyết...); Phần 2 là các câu hỏi đánh giá kiến thức phòng chống bệnh SXHD.

Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Giới; tuổi; vị trí làm việc; đơn vị công tác; số năm công tác chuyên môn; kinh nghiệm là SXHD; tập huấn về SXHD. Nghiên cứu về kiến thức bệnh SXHD. Đánh giá kiến thức Đạt: là trả lời đúng về: Bệnh do muỗi truyền SXH; Triệu chứng của bệnh là: Sốt cao liên tục, chấm xuất huyết dưới da, chảy máu mũi, chân răng, tay chân lạnh, nôn mửa; Người có thể mắc bệnh SXH: tất cả mọi người; Đường truyền bệnh của sốt xuất huyết: do muỗi đốt. Đánh giá chưa đạt: trả lời không đúng hoặc thiếu về: Bệnh do muỗi truyền: Bệnh viêm não, bệnh khác hoặc không biết; Triệu chứng của SXH khác hoặc không biết; Người có thể mắc bệnh SXH: trẻ em, người lớn, khác, Đường truyền bệnh SXH: ăn uống không hợp vệ sinh, uống nước lã, tiếp xúc với người bệnh, khác.

Xử lý số liệu: Số liệu được làm sạch, nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 25.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=400)

	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	158	39,5
	Nữ	242	60,5
Tuổi	<30	191	47,8
	30-50	186	46,5
	>50	23	5,7
Trình độ học vấn	Trung cấp	57	14,2
	Cao đẳng	122	30,5
	Đại học	173	43,3
	Sau đại học	48	12,0
Đối tượng	Điều dưỡng	277	69,2
	Bác sĩ	43	10,8
	Kỹ thuật viên	80	20,0
Đơn vị công tác	Khối nội	140	35,0
	Khối cơ quan	88	22,0
	Khối Truyền nhiễm	75	18,8
	Khối Ngoại	72	18,0
	Cận lâm sàng	24	6,0
	Phòng khám	1	0,3

Số năm công tác chuyên môn	Dưới 5 năm	163	40,8
	Từ 5 đến dưới 10 năm	95	23,8
	Từ 10 năm đến 15 năm	53	13,3
	Trên 15 năm	89	22,3
Kinh nghiệm làm SXH	≤ 5 năm	279	69,8
	5 - < 10 năm	64	16,0
	Trên 10 năm	57	14,2
Tập huấn về SXH	Không	174	43,5
	Có	226	56,5

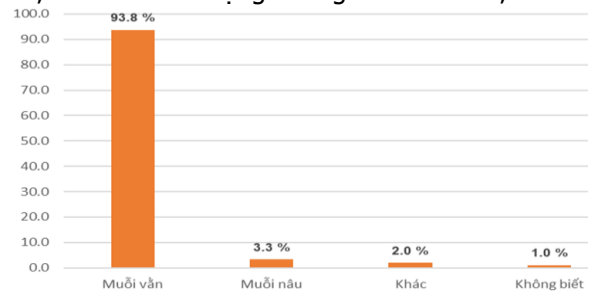
Tuổi trung bình đối tượng nghiên cứu là 33,1±9,1 (tuổi)

Nhận xét: Nghiên cứu đã tiến hành điều tra phỏng vấn 400 đối tượng nghiên cứu là NVYT tại bệnh viện Quân đội TW 108 trong đó nữ giới chiếm 60,5%, nam giới chiếm 39,5%, tuổi đối tượng tham gia nghiên cứu dưới 50 tuổi chiếm chủ yếu 94,3%, chủ yếu là điều dưỡng tham gia nghiên cứu 69,2%. Thời gian công tác dưới 5 năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 40,8%. Kinh nghiệm làm SXH dưới 5 năm chiếm đa số 69,8%. Có 56,5% NVYT được tập huấn về SXH.

Bảng 3.2. Kiến thức về triệu chứng của bệnh sốt xuất huyết Dengue (n= 400)

Triệu chứng	Số lượng	Tỷ lệ %
Sốt cao liên tục > 2 ngày	349	87,3
Mệt mỏi, đau (đầu, cơ, mình mẩy)	348	87,0
Nốt, chấm xuất huyết trên da	320	80,0
Chảy máu	313	78,3
Sốt và xuất huyết	255	63,7
Triệu chứng khác	102	25,5
Không biết	2	0,5

Nhận xét: Có 87,3% NVYT biết triệu chứng sốt cao trên 2 ngày của bệnh, triệu chứng mệt mỏi, đau (đầu, cơ, mình mẩy) chiếm 87,0%. Triệu chứng nốt, chấm xuất huyết trên da và chảy máu lần lượt là 80,0% và 78,3%. Triệu chứng sốt và xuất huyết chiếm 63,7%. Có 102 đối tượng cho rằng có triệu chứng khác chiếm 25,5% và 2 đối tượng không biết chiếm 0,5%.



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ kiến thức của NVYT về loài muỗi truyền bệnh SXHD (n=400)

Nhận xét: Trong số 385 NVYT biết bệnh SXHD lây truyền qua đường muỗi đốt thì có 93,8% NVYT biết do muỗi vắn, 3,3% NVYT cho

rằng do muỗi nâu và 1,0% NVYT không biết là do loài nào.

Bảng 3.3. Hiểu biết của NVYT về cách phòng bệnh SXHD (n=400)

Biện pháp phòng chống	Số lượng	Tỷ lệ %
Diệt bọ gậy (lăng quăng)	338	84,5
Diệt muỗi/tránh muỗi đốt	375	93,8
Cả hai	327	81,8
Không biết	3	0,8

Nhận xét: Khi được hỏi về cách phòng bệnh SXH, có 93,8% cho rằng phải diệt muỗi, tránh muỗi đốt, có 84,5% cho rằng phải diệt bọ gậy (lăng quăng). Có 81,8% cho rằng phải kết hợp cả 2 biện pháp. Chỉ có 0,8% không biết về phòng bệnh SXH.

Bảng 3.4. Kiến thức của NVYT về biện pháp kiểm soát, diệt bọ gậy (n=400)

BP phòng ngừa muỗi SXH	Số lượng	Tỷ lệ %
Súc rửa dụng cụ chứa nước	359	89,8
Đậy kín DCCN	353	88,3
Thả cá diệt bọ gậy	333	83,3
Kiểm soát dụng cụ linh tinh	333	83,3
Dọn dẹp dụng cụ phế thải	332	83,0
Khác	42	10,5
Không biết	2	0,5

Nhận xét: Có 89,8% NVYT cho rằng phải súc rửa dụng cụ chứa nước, 88,3% cho rằng phải đậy kín DCCN và 83,3% cho rằng thả cá diệt bọ gậy. Số người cho rằng phải kiểm soát dụng cụ linh tinh và dọn dẹp dụng cụ phế thải chiếm lần lượt là 83,3% và 83,0%. Các biện pháp khác (thoát nước ở các khu đầm lầy, nước tù đọng, đất đai khai khẩn) chiếm 10,5%.

Bảng 3.5. Kiến thức về kiểm soát và phòng ngừa muỗi sốt xuất huyết của NVYT (n=400)

BP phòng ngừa muỗi SXH	Số lượng	Tỷ lệ %
Phun hóa chất	344	86,0
Nhang trừ muỗi	290	72,5
Ngủ màn ban ngày	359	89,8
Mặc quần áo dài	294	73,5
Vợt, quạt điện	313	78,3
Khác	37	9,3

Nhận xét: Khi được hỏi các biện pháp phòng ngừa sốt xuất huyết, ngủ màn ban ngày được lựa chọn nhiều nhất lên tới 89,8%, sau đó là phun hoá chất và Vợt, quạt điện là 86,0% và 78,3%. Mặc quần áo dài chiếm 73,5% và nhang trừ muỗi chiếm 72,5%. Chỉ có 9,3% lựa chọn biện pháp khác

Bảng 3.6. Kiến thức đúng trong phòng chống bệnh SXHD (n=400)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Kiến thức đúng	373	93,2

Chưa đúng	27	6,8
Tổng cộng	400	100

Nhận xét: Từ bảng 3.11 cho thấy, sau khi

ngiên cứu có 93,2% đối tượng có kiến thức đúng về phòng chống bệnh SXHD, còn lại 6,8% NVYT có kiến thức chưa đúng.

Bảng 3.7. Mối liên quan giữa đặc điểm chung của NVYT và kiến thức về SXHD

Đặc điểm chung	Kiến thức		OR (CI 95%)	P	
	Đạt n(%)	Không đạt n(%)			
Giới tính	Nữ	230(95,0)	12(5,0)	2,0 (0,9-4,4)	0,077
	Nam	143(90,5)	15(9,5)		
Tuổi	≥30	200(95,7)	9(4,3)	2,3 (1-5,3)	0,042
	<30	173(90,6)	18(9,4)		
Trình độ học vấn	Đại học, SDH	211(95,5)	10(4,5)	2,2 (1,0-5,0)	0,049
	Trung cấp, cao đẳng	162(90,5)	17(9,5)		
Đối tượng	Bác sỹ, điều dưỡng	299(93,4)	21(6,6)	1,1 (0,5-3,0)	0,765
	Khác	74(92,5)	6(7,5)		
Đơn vị công tác	Hệ nội (nội, truyền nhiễm)	207(96,3)	8(3,7)	3,0 (1,3-6,9)	0,009
	Khác (Ngoại, Cơ quan..)	166(89,7)	19(10,3)		
Thời gian công tác	<5 năm	157(96,3)	6(3,7)	2,5 (1,0-6,5)	0,042
	≥ 5 năm	216(91,1)	21(8,9)		
Kinh nghiệm trong SXH	<5 năm	264(94,6)	15(5,4)	1,9 (0,9-4,3)	0,096
	≥ 5 năm	109(90,1)	12(9,9)		
Được tập huấn về SXH	Có	219(96,9)	7(3,1)	4,1 (1,7-9,8)	0,001
	Không	154(88,5)	20(11,5)		

Nhận xét: Có mối liên quan giữa độ tuổi; trình độ học vấn; đơn vị công tác; thời gian công tác và được tập huấn về SXH với kiến thức phòng chống SXH. Không có mối liên quan giữa giới tính, đối tượng và kinh nghiệm làm việc trong SXH với kiến thức phòng chống SXH.

IV. BÀN LUẬN

Cho đến hiện nay, có rất ít nghiên cứu quan tâm đến kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống SXHD ở đối tượng là NVYT, hầu hết các nghiên cứu chỉ tập trung ở các đối tượng người dân, sinh viên học viên. Tuy nhiên việc phòng chống SXH là nhiệm vụ của cả đối tượng là NVYT và người dân và các kiến thức trong chương trình phòng chống SXH đưa ra được đánh giá là đơn giản và dễ nhớ có Đánh giá kiến thức của đối tượng nghiên cứu về bệnh sốt xuất huyết, có 93,2% đối tượng nghiên cứu có kiến thức chung đạt, kết quả này cao hơn so với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đình Sử tại Hoài Đức, Hà Nội (66,9%), Lê Đức Trung tại Thanh Xuân, Hà Nội (68,3%), nhóm tác giả Trương Phi Hùng, Trần Thị Tuyết Nga, Trần Thị Hồng Hiền tại bệnh viện Nhiệt đới thành phố Hồ Chí Minh năm 2011 (63%) và nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Lụa tại Bình Thuận năm 2013 là 81,8%. Theo nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Việt Đức và cộng sự năm 2022 có 50,8% người dân có kiến thức đạt về phòng chống bệnh sốt xuất huyết dengue [5], Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thanh Nga tại xã An Thái, An Lão, Hải Phòng năm 2018

(50,3%); nghiên cứu Vũ Thị Thơm tại phường Đăng Giang, Ngô Quyền Hải Phòng năm 2019 (54,0%) [6]. Nghiên cứu của tác giả Võ Quang Trung tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2018 là 38%[7]. Nghiên cứu Vũ Trọng Dực và cộng sự năm 2011 đã tiến hành nghiên cứu kiến thức và thực hành phòng chống bệnh SXHD của người dân 11 tỉnh miền núi phía Bắc. Kết quả cho thấy kiến thức về cách phòng chống bệnh SXHD đúng chỉ đạt 10,1%. Theo nghiên cứu của Daniel Fernandez-Guzman và cộng sự năm 2023 về Các yếu tố nhân khẩu xã hội liên quan đến kiến thức và thái độ đối với việc phòng chống sốt xuất huyết của người dân Peru: những phát hiện từ một cuộc khảo sát quốc gia thấy có 36,2% được hỏi có kiến thức tốt về bệnh sốt xuất huyết. Các nghiên cứu ở các nước khác như Nepal, Tanzania và Việt Nam, với mức độ hiểu biết tốt từ 2,3% đến 37,2% là các nước đang phát triển lưu hành bệnh sốt xuất huyết và gần đây đã báo cáo các vụ dịch. Việc đánh giá kiến thức về các khu vực chính trị này có thể là cần thiết để đối phó với các đợt bùng phát trong tương lai [8]. Chúng tôi lý giải điều này do cán bộ NVYT của bệnh viện đều là những cán bộ có trình độ và dễ dàng được tiếp cận với nhiều nguồn thông tin về phòng chống sốt xuất huyết dengue. Tuy nhiên, vẫn còn 7,8% có kiến thức không đạt. Những đối tượng này thiếu kiến thức về cách phòng hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh không đúng, kém hiệu quả, do đó cần có thêm nhiều hình thức tuyên truyền phổ biến thông tin về bệnh.

V. KẾT LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi có 93,2% đối tượng có kiến thức đúng về phòng, chống SXHD. Có mối liên quan giữa độ tuổi; trình độ học vấn; đơn vị công tác; thời gian công tác và được tập huấn về SXH với kiến thức phòng chống SXH ($p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. S. Bhatt et al., "The global distribution and burden of dengue," (in eng), Nature, vol. 496, no. 7446, pp. 504-7, Apr 25 2013, doi: 10.1038/nature12060.
2. W. H. Organization. "Dengue and severe dengue." <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/dengue-and-severe-dengue> (accessed 19/06, 2023).
3. N. V. Kình, Bệnh sốt xuất huyết dengue (Bệnh Học Truyền Nhiễm). (in Vi), 2019.
4. N. T. T. Thủy, "Tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết Dengue tại Hà Nội, 2000-2015," (in vi), Tạp chí Y học Dự phòng, vol. 10, no. 183, pp. 83-88, 2016.
5. N. H. V. Đức and T. Q. Cảnh, "Thực trạng kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan đến

phòng chống bệnh sốt xuất huyết của người dân phường Trần Hưng Đạo, Hải Dương," (in vi), Tạp chí khoa học kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế, vol. 2, no. 1, pp. 98-105, 04/22 2022, doi: 10.56086/jcvb.v2i1.28.

6. V. T. Thơm, T. T. Lộc, N. T. Thắm, N. Q. Hùng, C. M. Đức, and H. T. H. Lê, "Thực trạng kiến thức, thực hành phòng chống bệnh sốt xuất huyết dengue của người dân phường Đăng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng năm 2019," (in vi), Tạp chí Y học Dự phòng, vol. 31, no. 1, pp. 181-188, 2021.
7. T. Q. Vo and P. P. TT, "Revisiting dengue-related knowledge, attitudes and practices: A cross-sectional study in Ho Chi Minh City, Vietnam, 2018," (in eng), JPMA. The Journal of the Pakistan Medical Association, vol. 69, no. 6, pp. S108-S117, 2019.
8. D. Fernandez-Guzman, B. Caira-Chuquineyra, P. M. Calderon-Ramirez, S. Cisneros-Alcca, and R. M. Benito-Vargas, "Sociodemographic factors associated to knowledge and attitudes towards dengue prevention among the Peruvian population: findings from a national survey," (in eng), BMJ Open, vol. 13, no. 3, p. e071236, Mar 21 2023, doi: 10.1136/bmjopen-2022-071236.

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐA HÌNH GEN CYP3A5 ĐẾN DƯỢC ĐỘNG HỌC TACROLIMUS Ở BỆNH NHÂN NĂM ĐẦU TIÊN SAU GHÉP THẬN TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 103

Vũ Quang Hợp^{1,3}, Phạm Văn Trân¹,
Hoàng Xuân Sửu², Ngô Thu Hằng³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá ảnh hưởng của đa hình gen CYP3A5 lên dược động học của tacrolimus năm đầu tiên sau ghép thận. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu hồi cứu kết hợp tiến cứu theo dõi dọc, khảo sát 95 bệnh nhân ghép thận tại Bệnh viện Quân y 103 từ tháng 3/2020 đến tháng 3/2023, thu thập thông tin liều sử dụng tacrolimus, xét nghiệm đa hình gen CYP3A5, định lượng nồng độ đáy tacrolimus. **Kết quả:** Bệnh nhân mang kiểu gen CYP3A5*1/*1 và CYP3A5*1/*3 dùng liều tacrolimus trung bình cao hơn bệnh nhân mang kiểu gen CYP3A5*3/*3. Nồng độ đáy tacrolimus trung bình của bệnh nhân ghép thận có kiểu gen CYP3A5*1/*1 và CYP3A5*1/*3 thấp hơn bệnh nhân có kiểu gen CYP3A5*3/*3. Tỷ lệ nồng độ/liều (C/D) tacrolimus trung bình của bệnh nhân có kiểu gen CYP3A5*1/*1, CYP3A5*1/*3 thấp hơn

CYP3A5*3/*3. **Kết luận:** Tính đa hình gen CYP3A5 ảnh hưởng mạnh đến liều tacrolimus. Những bệnh nhân biểu hiện CYP3A5 cần liều tacrolimus trung bình cao hơn bệnh nhân không biểu hiện (CYP3A5*3/*3), trong khi nồng độ và tỷ lệ nồng độ trên liều (C/D) tacrolimus trung bình thấp hơn ở năm đầu tiên sau ghép thận. **Từ khóa:** Đa hình gen CYP3A5, ghép thận, tacrolimus.

SUMMARY

INFLUENCE OF CYP3A5 GENE POLYMORPHISM ON TACROLIMUS PHARMACOKINETICS IN PATIENTS IN THE FIRST YEAR AFTER KIDNEY TRANSPLANTATION AT 103 MILITARY HOSPITAL

Objective: To evaluate the impact of CYP3A5 gene polymorphisms on the pharmacokinetics of tacrolimus in the first year after kidney transplantation. **Subjects and methods:** Retrospective study combined with prospective longitudinal follow-up, surveying 95 kidney transplant patients at Military Hospital 103 from March 2020 to March 2023, collecting information on tacrolimus dosage, CYP3A5 gene polymorphism test, tacrolimus trough concentration quantification. **Result:** Patients with the CYP3A5*1/*1 and CYP3A5*1/*3 genotypes received a higher mean dose of tacrolimus than patients with the CYP3A5*3/*3 genotype. Mean

¹Bệnh viện Quân Y 103 - Học viện Quân y

²Viện nghiên cứu Y dược học Quân sự- Học viện Quân y

³Học viện Quân y

Chịu trách nhiệm chính: Vũ Quang Hợp

Email: vuquanghop1979@gmail.com

Ngày nhận bài: 22.4.2024

Ngày phản biện khoa học: 13.6.2024

Ngày duyệt bài: 5.7.2024